

CÔNG TY TNHH TM - ĐTXD HƯNG THỊNH PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM - ĐTXD HƯNG THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG THINH PHAT TM - DTXD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108598314

3. Ngày thành lập: 23/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 51B, Ngõ 105, phố Thanh Am , Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
2.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
3.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773
4.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ hoạt động báo chí)	6820
5.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
6.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
7.	Tái chế phế liệu	3830
8.	Xây dựng công trình điện	4221
9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

12.	Phá dỡ	4311
13.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14.	Xây dựng nhà không để ở	4102
15.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610(Chính)
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
17.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
18.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
19.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
20.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
21.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
22.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
25.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
26.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
27.	Lập trình máy vi tính	6201
28.	Quảng cáo	7310
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
30.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
31.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
32.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
33.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
34.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
35.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
36.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
37.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
38.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
39.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

40.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
41.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
42.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
43.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
44.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
45.	Thu gom rác thải độc hại	3812
46.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4541
47.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4542
48.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
49.	Bán buôn thực phẩm	4632
50.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
51.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
52.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
54.	Bốc xếp hàng hóa	5224
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
57.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
58.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
59.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
60.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
61.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ tư vấn chứng khoán; - Hoạt động của những nhà báo độc lập; - Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng)	7490
62.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
63.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
64.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7820
65.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
66.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

67.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
69.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
70.	Đại lý du lịch	7911
71.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
72.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
73.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
74.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
75.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
76.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
77.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
78.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
79.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
80.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
81.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
82.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
83.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
84.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
85.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
86.	Xây dựng công trình thủy	4291
87.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
88.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4543
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
90.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	4932
91.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
92.	Cơ sở lưu trú khác	5590
93.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

94.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
95.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
96.	Xây dựng nhà để ở	4101
97.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
98.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
99.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
100.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
101.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
102.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
103.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
104.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
105.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
106.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513
107.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
108.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
109.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
110.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
111.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
112.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải Hành khách bằng taxi Vận tải hành khách bằng xe lam, xe lôi, xe máy Vận tải hành khách bằng xe đạp, xe xích lô và xe thô sơ khác	4931
113.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
114.	Cho thuê xe có động cơ	7710
115.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

116.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
117.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
118.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
119.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
120.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
121.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
122.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
123.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
124.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
125.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
126.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
127.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
128.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
129.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
130.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
131.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
132.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
133.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
134.	Bán buôn đồ uống	4633
135.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
136.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
137.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
138.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
139.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: BÙI THỊ LUYẾN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/12/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001179015382

Ngày cấp: 08/05/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 12, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 116 ngách 165/2 phố Thanh Am, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THỊ LUYẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/12/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001179015382

Ngày cấp: 08/05/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 12, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 116 ngách 165/2 phố Thanh Am, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội